

Số: 08../QĐ-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển

**Gói thầu: Lựa chọn bổ sung nhà cung cấp ký Hợp đồng khung
cung cấp nhiên liệu Dầu DO NMD Nhơn Trạch 2.**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi lần thứ XIII, ban hành ngày 10/06/2022 theo Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 05/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-CPNT2 ngày 13/01/2025 của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc Phê duyệt HSMST gói thầu Lựa chọn bổ sung nhà cung cấp ký Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu Dầu DO NMD Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị số 07/CPNT2-BB-HĐQT ngày 17/01/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt HSMST gói thầu Lựa chọn bổ sung nhà cung cấp ký Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu Dầu DO NMD Nhơn Trạch 2, với nội dung chi tiết như Hồ sơ đính kèm Quyết định này.

Điều 2: Giao Giám đốc chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.



Điều 3: Ban Giám đốc và Trưởng các Phòng chức năng/Phân xưởng vận hành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các TV. HĐQT;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

em

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Ngọc Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tel: 0251 2225899 Fax: 0251 2225897

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Lựa chọn bổ sung nhà cung cấp ký Hợp đồng khung cung cấp
nhiên liệu Dầu DO NMD Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày: 17.. / 01 / 2025

Ban hành kèm theo: Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 17 / 01 / 2025 của
HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn
Trạch 2.

BÊN MỜI SƠ TUYỂN

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	4
Phần 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN	5
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu	5
Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển.....	16
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.....	18
Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển	24
Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP	38
Chương V. Phạm vi và tiên độ cung cấp hàng hóa.....	38
Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	40
Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng.....	40

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và trao hợp đồng khung. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự sơ tuyển.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hoá

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về kỹ thuật để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có).

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG KHUNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng khung.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
VND	đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMST này để lựa chọn các nhà thầu cung cấp nhiên liệu dầu DO theo nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

2. Hành vi bị cấm

2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào kết quả lựa chọn nhà thầu để trao hợp đồng khung.

2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;

b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDST cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;

c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.

2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong hoạt động lựa chọn nhà thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;

b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDST cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDST làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;

b) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

c) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

3.2. Hạch toán tài chính độc lập;

3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

3.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**;

4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan

4.1. Tất cả các hàng hóa được hiểu là nguyên liệu đầu DO do nhà thầu cung cấp và dịch vụ liên quan bao gồm các dịch vụ như vận chuyển, bàn giao, lấy mẫu, thí nghiệm, kiểm tra, giám định về chất lượng, khối lượng... được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

4.2. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hoá, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hoá và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá theo quy định tại **BDL**.

5. Nội dung của HSMST

5.1. HSMST gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần 1. Thủ tục sơ tuyển:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;
- Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển.

Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Chương V. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng.

5.2. Thư mời sơ tuyển/thông báo mời sơ tuyển do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMST.

5.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, hay các tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

5.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị lập HSDST của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMST.

6. Làm rõ HSMST

Trong trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMST của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại BDL, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSMST. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSMST cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSMST và tất cả nhà thầu khác đã nhận HSMST từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMST theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNT.

7. Sửa đổi HSMST

7.1. Việc sửa đổi HSMST được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMST.

7.2. Văn bản sửa đổi HSMST được coi là một phần của HSMST và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSMST từ Bên mời thầu.

7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST đến các nhà thầu đã nhận HSMST từ Bên mời thầu theo thời gian quy định tại BDL. Nhằm giúp các nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDST, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 14 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

8. Ngôn ngữ của HSDST

HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại BDL.

9. Thành phần của HSDST

HSDST bao gồm các thành phần sau:

9.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10 CDNT;

9.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển;

9.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 3 CDNT;

9.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 12 CDNT;

9.5. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT;

9.6. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định.

10. Đơn dự sơ tuyển và các bảng biểu

Nhà thầu phải nộp Đơn dự sơ tuyển và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển.

11. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải ghi thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

12. Quy cách HSDST và chữ ký trong HSDST

12.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDST bao gồm: 1 bản gốc HSDST theo quy định tại Mục 9 CDNT và một số bản chụp HSDST theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “**BẢN GỐC HSDST**”, “**BẢN CHỤP HSDST**”.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “**BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC HSDST THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ**”.

12.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDST của nhà thầu bị loại.

12.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST.

12.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

12.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển.

13. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST

13.1. Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN".

Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDST thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ".

Các túi đựng: HSDST; HSDST sửa đổi, HSDST thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

13.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định;
- c) Nội dung sơ tuyển theo quy định tại Mục 1 CDNT;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở thầu".

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

14. Thời điểm đóng thầu

14.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả các nhà thầu nộp HSDST trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển chưa nhận HSMST từ Bên mời thầu.

14.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMST. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

14.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST và đồng thời đăng tải thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu trên Báo đầu thầu và website của Bên mời thầu (<https://pvpnt2.com.vn>). Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDST theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDST có thể nhận lại HSDST của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

15. HSDST nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDST nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

16. Rút, thay thế và sửa đổi HSDST

16.1. Sau khi nộp HSDST, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDST” hoặc “THAY THẾ HSDST” hoặc “RÚT HSDST”;

b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định.

16.2. HSDST mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

16.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDST mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự sơ tuyển hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDST.

17. Mở HSDST

17.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo quy định tại Mục 17.3 CDNT của tất cả HSDST đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDST phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDST và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDST không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

17.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDST thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDST”, túi đựng HSDST của nhà thầu có đề nghị rút HSDST sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDST và vẫn mở HSDST tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDST” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDST” và HSDST thay thế này sẽ được thay cho HSDST bị thay thế. HSDST bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDST nếu văn bản thay thế HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDST” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDST sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDST nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDST được mở và đọc tại buổi mở HSDST mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

17.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDST theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDST, HSDST sửa đổi (nếu có) hoặc HSDST thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, thời gian có hiệu lực của HSDST và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết;

c) Đại diện của Bên mời thầu tham dự lễ mở thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự sơ tuyển, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDST nào khi mở thầu, trừ các HSDST nộp muộn theo quy định;

17.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDST trong đó bao gồm các thông tin theo quy định. Biên bản mở HSDST phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDST sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

18. Bảo mật

18.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDST và đề nghị trao hợp đồng khung phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn danh sách ngắn cho đến khi công khai kết quả lựa chọn danh sách ngắn. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST.

18.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định và thương thảo hợp đồng khung, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn danh sách ngắn.

19. Làm rõ HSDST

19.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDST của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDST bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

19.2. Việc làm rõ HSDST giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.

19.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại **BDL**, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDST của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDST. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

19.4. Việc làm rõ HSDST chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDST cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDST được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà thầu theo HSDST nộp trước thời điểm đóng thầu.

19.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng sơ tuyển đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDST. Nội dung làm rõ HSDST phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDST trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

20. Đánh giá HSDST

20.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại **BDL** để đánh giá các HSDST. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.

20.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

b) Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

20.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được mời vào thương thảo hợp đồng khung.

21. Thương thảo hợp đồng khung

21.1. Bên mời thầu mời nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của HSMST theo báo cáo đánh giá HSDST vào thương thảo hợp đồng khung. Việc thương thảo hợp đồng khung phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSDST;

b) HSDST và các tài liệu làm rõ HSDST (nếu có) của nhà thầu;

c) HSMST.

21.2. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMST và HSDST; giữa các nội dung khác nhau trong HSDST có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn danh sách ngắn (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng khung;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

21.3. Trong quá trình thương thảo hợp đồng khung, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng khung; điều kiện cụ thể của hợp đồng khung, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, yêu cầu về cung cấp, cơ cấu giá chào, tiến độ cung cấp.

21.4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng khung, Bên mời thầu và các nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng khung nếu nhà thầu có tên trong danh sách ngắn được phê duyệt.



22. Điều kiện xét duyệt trúng sơ tuyển

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng sơ tuyển khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

22.1. Có HSDST hợp lệ;

22.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST;

23. Hủy sơ tuyển

23.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy sơ tuyển trong trường hợp sau đây:

a) Tất cả HSDST không đáp ứng hoặc dưới 03 HSDST đáp ứng được các yêu cầu của HSMST thì bên mời thầu báo cáo cấp thẩm quyền quyết định;

b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm đã ghi trong HSMST;

c) HSMST không tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;

d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

24. Thông báo kết quả sơ tuyển

24.1. Trong thời hạn quy định tại **BDL**, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển nhà thầu cho các nhà thầu tham dự sơ tuyển theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả sơ tuyển nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Nội dung sơ tuyển;

b) Tên nhà thầu trúng sơ tuyển;

c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng sơ tuyển;

d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

24.2. Trường hợp hủy sơ tuyển theo quy định, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy sơ tuyển.

24.3. Sau khi thông báo kết quả sơ tuyển nhà thầu theo quy định nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn vào danh sách ngắn thì trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả sơ tuyển nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

25. Hợp đồng khung

Hợp đồng khung sẽ được Bên mời thầu ký kết với các nhà thầu trúng sơ tuyển.

26. Yêu cầu chào giá và lựa chọn nhà thầu để ký Phụ lục Hợp đồng

Theo nhu cầu thực tế và căn cứ Hợp đồng khung đã ký kết, Bên mời thầu sẽ yêu cầu các nhà thầu chào giá để đánh giá xếp hạng nhà thầu. Phụ lục Hợp đồng sẽ được ký kết với Nhà thầu xếp thứ nhất trong kỳ chào giá đó (*đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu và có giá chào thấp nhất*). Trường hợp nhu cầu nhiên liệu vượt quá khả năng cung cấp của nhà thầu xếp thứ nhất, Bên mời thầu sẽ mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo để thương thảo, ký kết Phụ lục hợp đồng mua khối lượng còn thiếu trong kỳ đó.

27. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định pháp luật.

Chương II. Bảng dữ liệu sơ tuyển

Bảng dữ liệu sơ tuyển
CDNT 1 Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2)
CDNT 3.4 <p>Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà thầu theo quy định như sau:</p> <p>Nhà thầu tham dự sơ tuyển không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự sơ tuyển thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn.</p>
CDNT 4.2 <p>Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá: Nhà thầu nêu rõ các chỉ tiêu kỹ thuật của dầu DO mà nhà thầu sẽ cung cấp đáp ứng quy định tại Phần thứ 2 Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p>
CDNT 6 <p>Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSMST tối thiểu 03 ngày làm việc (ngày làm việc là từ thứ 2 tới thứ 6, không bao gồm thứ 7, CN và các ngày nghỉ lễ) trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 7.3 <p>Tài liệu sửa đổi HSMST sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMST từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 8 <p>HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.</p>
CDNT 10 <p>Thời hạn hiệu lực của HSDST là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>

CDNT 12

Số lượng bản chụp HSDST là: 04 bản

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDST.

CDNT 13

Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDST): Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Tel: 0251 2225899 Fax: 0251 2225897

CDNT 17

HSDST sẽ được mở công khai trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu, địa điểm mở thầu là địa chỉ của Bên mời thầu.

CDNT 19

Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDST đến bên mời thầu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

CDNT 20

Phương pháp đánh giá HSDST là: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

CDNT 24

Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả sơ tuyển nhà thầu.

CDNT 27

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Tel: 0251 2225899 Fax: 0251 2225897.

Người có thẩm quyền: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Tel: 0251 2225899 sFax: 0251 2225897.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDST

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDST:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm: Đơn dự sơ tuyển, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm và các thành phần khác thuộc HSDST theo quy định;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDST.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDST:

HSDST của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDST;
- b) Có đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định;
- d) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) để tham dự sơ tuyển;
- e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển;
- f) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh, đồng thời từng thành viên liên danh phải đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhiệm trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

Nhà thầu được đánh giá đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

HSDST của nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Yêu cầu tuân thủ (*)				Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có <i>hợp đồng không hoàn thành</i> (1).	X	X	-	-	Mẫu số 06
2	Kiện tụng đang giải quyết	Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50% <i>giá trị tài sản ròng</i> (2) của nhà thầu.	X	X	-	-	Mẫu số 07
3	Năng lực tài chính						
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp bản sao chứng thực báo cáo tài chính đã kiểm toán các năm 2021, 2022, 2023 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu: - Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm 2023 > 0;	X	X	-	-	Mẫu số 08

3.2	Doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Trung bình cộng doanh thu các năm 2021; 2022; 2023 \geq 200.000.000.000 VND.	X	X	-	-	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm, thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	<p>Từ ngày 01/01/2021 đến trước thời điểm đóng thầu với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn các <i>hợp đồng tương tự</i> ⁽³⁾:</p> <p>(i) Mỗi năm có tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp nhiên liệu dầu (dầu DO) cho các đơn vị sản xuất, tiêu thụ trực tiếp và có khối lượng \geq 10.000 tấn/m³ hoặc:</p> <p>(ii) Tổng khối lượng nhiên liệu dầu (dầu DO) cung cấp cho các đơn vị sản xuất, tiêu thụ trực tiếp mỗi năm \geq 10.000 tấn/m³.</p>	X	X	-	-	Mẫu số 05
5	Năng lực sản xuất kinh doanh						

5.1	Năng lực dự trữ và sức chứa	Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng thuê dài hạn hệ thống kho, bể chứa dầu DO chuyên dụng, có tổng sức chứa ≥ 10.000 m ³ ở tỉnh Đồng Nai hoặc các địa bàn lân cận như TP.HCM, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận...	X	V	-	-	Xem phần ghi chú (4)
5.2	Năng lực vận chuyển	Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển dầu: Tối thiểu 02 tàu/sà lan chuyên dụng vận chuyển dầu, mỗi tàu/sà lan có tải trọng từ 450 tấn đến 5.000 tấn.	X	V	-	-	Mẫu số 09
6	Giấy phép kinh doanh	Nhà thầu phải thỏa mãn điều kiện sau: là Thương nhân kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.	X	-	-	X	Xem phần ghi chú (5)
7	Phạm vi cung cấp	Nhà thầu chào phạm vi cung cấp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần 2 Yêu cầu về phạm vi cung cấp, cụ thể bao gồm: (i) Chất lượng dầu DO nhà thầu chào đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Chương V; (ii) Có cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa; (iii) Tiến độ cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương V.	X	X	-	-	Xem phần ghi chú (6)



Ghi chú:

(*) “X”: Phải thỏa mãn yêu cầu; “V”: Phải thỏa mãn yêu cầu tương đương với phần công việc thành viên liên danh đảm nhận; “-”: Không áp dụng;

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(2) Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ.

(3) Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp hàng hóa được ký từ ngày 01/01/2021 đến trước thời điểm đóng thầu và đã hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc/giá trị của hợp đồng tính đến thời điểm đóng thầu đảm bảo chất lượng và tiến độ theo hợp đồng. Cụ thể:

- Tính chất tương tự của hợp đồng với gói thầu đang xét được đánh giá theo 2 tiêu chí như sau:

+ Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

+ Tương tự về quy mô: có khối lượng ≥ 1.000 tấn/m³ hoặc tổng khối lượng dầu dầu DO cung cấp cho các đơn vị sản xuất, tiêu thụ trực tiếp mỗi năm ≥ 10.000 tấn/m³.

Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

- Đảm bảo chất lượng và tiến độ theo hợp đồng được đánh giá theo 2 tiêu chí như sau:

+ Số lượng hạng mục hàng giao chậm quá 6 tuần và số lượng hạng mục không giao $\leq 10\%$ tổng số lượng hạng mục của hợp đồng;

+ Giá trị tiền phạt do không thực hiện hoặc chậm tiến độ $\leq 6\%$ giá trị hợp đồng.

(4) Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau để chứng minh:

- Nhà thầu phải cung cấp bản sao công chứng các tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đồng sở hữu hệ thống kho, bể chứa xăng dầu chuyên dụng tại các khu vực theo quy định; Trong trường hợp đi thuê, nhà thầu phải cung cấp bản sao công chứng hợp đồng thuê kho, bể chứa xăng dầu dài hạn, trong đó thời gian thuê còn tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm đóng thầu; Bản sao y bản chính các tài liệu về thông số đo lường, chứng nhận về an toàn phòng cháy, chữa cháy của hệ thống kho, bể chứa xăng dầu.

(5) Nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh là Thương nhân kinh doanh xăng dầu theo quy định.

(6) Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau để chứng minh:

- Nhà thầu phải có bản thuyết minh về phạm vi hàng hóa và dịch vụ mà nhà thầu sẽ cung cấp bao gồm các nội dung: Chất lượng, chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết của nhiên liệu dầu DO; nguồn gốc xuất xứ của dầu DO; tiến độ cung cấp và các nội dung khác thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Chương V – Phạm vi cung cấp.

- Nhà thầu có bản cam kết thực hiện trách nhiệm môi trường theo Mẫu số 10 – Chương IV.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Mẫu số 01. Đơn dự sơ tuyển

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 04 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 05. Hợp đồng tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 06. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 07. Kịch bản đang giải quyết

Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 09. Bản kê khai phương tiện vận chuyển

Mẫu số 10. Bản cam kết thực hiện trách nhiệm về môi trường

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn các nhà thầu cung cấp nhiên liệu dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển số ____ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên nhà thầu], cam kết tham gia sơ tuyển theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời sơ tuyển.

Nếu hồ sơ dự sơ tuyển của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng khung và tham gia chào giá theo đúng yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển này là chính xác, trung thực.

Hồ sơ dự sơ tuyển có hiệu lực trong thời gian [ghi số ngày] ngày, kể từ ngày / ____ / ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽¹⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng sơ tuyển, trước khi ký kết hợp đồng khung, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 2 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn các nhà thầu cung cấp nhiên liệu dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự sơ tuyển, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự sơ tuyển;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng khung;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng khung với Bên mời thầu nếu được lựa chọn] ⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 12.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn danh sách ngắn.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Căn cứ ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];
Căn cứ ⁽²⁾ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về
hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ngày __ tháng __ năm __ [ngày được ghi trên HSMST];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến việc cung cấp dầu DO cho Bên mời thầu là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia quan tâm đối với nội dung sơ tuyển này.

4. Khi liên danh được vào danh sách ngắn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để tham gia sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu cung cấp dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và tham gia chào giá theo yêu cầu của Bên mời thầu đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút HSDST, sửa đổi, thay thế HSDST;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng khung].

2. Dự kiến trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh để thực hiện các gói thầu theo từng đợt chào giá cho Bên mời thầu như sau:

Các bên tham gia liên danh dự kiến phân công trách nhiệm của từng thành viên như sau: ____ [*ghi nội dung công việc chính dự kiến của từng thành viên kể cả thành viên đứng đầu liên danh*].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Liên danh không được vào danh sách ngắn các nhà thầu cung cấp nhiên liệu dầu DO nêu trên;

2. Huỷ lựa chọn danh sách ngắn đối với gói thầu của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁽³⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Trang _____ / _____ trang

Tên nhà thầu: ___[ghi tên nhà thầu]
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: ___[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: ___[ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: ___[tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA
NHÀ THẦU LIÊN DANH ⁽¹⁾**

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Trang _____ / _____ trang

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư	<i>[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III ⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản sao chứng thực các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng được kê khai để Chủ đầu tư xem xét, bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu/thanh lý hoặc xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành đến 80% khối lượng công việc/giá trị hợp đồng trước thời điểm đóng thầu đảm bảo chất lượng và tiến độ theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh có giá trị tương đương khác.

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

⁽²⁾ Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký kể từ ngày 01/01/___ [ghi năm] nhưng không thực hiện theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký tính từ ngày 01/01/___ [ghi năm] nhưng không hoàn thành theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDST sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

KIỆN TỤNG ĐANG GIẢI QUYẾT ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:			
<input type="checkbox"/> Không có vụ kiện nào đang giải quyết.			
<input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh).			
Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND	Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các vụ kiện tụng đang giải quyết; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDST sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]			
	Năm 1: 2021	Năm 2: 2022	Năm 3: 2023
Thông tin từ Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			
Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh			
Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh	<i>[Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp]</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao chứng thực các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất ⁽³⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán.

Kèm theo là bản sao chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

⁽²⁾, ⁽³⁾ Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDST.

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

Nhà thầu kê khai những phương tiện vận chuyển nhiên liệu dầu DO đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST mà nhà thầu dự kiến huy động phục vụ cấp hàng cho Bên mời thầu nếu được lựa chọn ký phụ lục hợp đồng khung đối với mỗi lô hàng cụ thể. Trường hợp kê khai không trung thực nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận. Phương tiện vận chuyển phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu cấp hàng.

Trường hợp phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của nhà thầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh gồm: Bản sao công chứng các loại giấy đăng ký, đăng kiểm, giấy phép của các cơ quan có thẩm quyền cấp như: Giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy nổ. Trường hợp đi thuê thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh gồm: Bản sao công chứng hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển còn thời hạn tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm đóng thầu, kèm theo các tài liệu khác như trong trường hợp phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của nhà thầu. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với từng phương tiện vận chuyển:

Loại phương tiện vận chuyển		
Thông tin phương tiện vận chuyển	Tên phương tiện	Tên nhà sản xuất
	Công suất	Số hiệu phương tiện
	Trọng tải	Năm sản xuất
	Món nước	Xuất xứ
Hiện trạng	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng phương tiện hiện tại	
Hình thức sở hữu	Nêu rõ hình thức sở hữu: chủ sở hữu hoặc đi thuê	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
	Địa chỉ chủ sở hữu
	Số điện thoại
	Số fax
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG

_____, ngày ___ tháng ___ năm _____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Sau khi nghiên cứu kỹ HSMST, chúng tôi ___[Ghi tên nhà thầu] tham dự sơ tuyển lựa chọn danh sách ngăn nhà thầu cung cấp nhiên liệu dầu DO phục vụ sản xuất kinh doanh điện cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 do Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tổ chức, xin cam kết thực hiện trách nhiệm về môi trường nếu chúng tôi được xét chọn cung cấp hàng như sau:

Trong suốt thời gian từ lúc phương tiện vận chuyển nhiên liệu dầu DO của chúng tôi cập cảng (hoặc địa điểm cấp dầu) tại nhà máy điện Nhơn Trạch 2 thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đến khi hoàn tất bàn giao hàng và rời khỏi cảng dầu (hoặc địa điểm cấp dầu), chúng tôi sẽ:

1. Chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước về an toàn, phòng chống cháy nổ, tràn dầu, vệ sinh môi trường: không xả rác, xả nước bẩn, dầu cặn hoặc để nước vệ sinh phương tiện vận chuyển chảy xuống cảng. Tổ chức thực hiện mọi biện pháp có hiệu quả phòng chống cháy nổ, hoặc tràn dầu, xả dầu gây ô nhiễm môi trường;
2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và giải quyết toàn bộ mọi hậu quả về việc xảy ra mất an toàn, cháy nổ, tràn dầu cũng như vi phạm vệ sinh môi trường thuộc phạm vi từ phương tiện vận chuyển của chúng tôi cho tới van vào bồn chứa của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
3. Chúng tôi cam kết rằng nếu để xảy ra các sự việc như cháy nổ, tràn dầu,... chúng tôi sẽ trực tiếp và nhanh chóng tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý hậu quả và đền bù thiệt hại; tuân thủ đúng theo các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng giữa chúng tôi và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
4. Khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước về vệ sinh môi trường về vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường trong công việc cung cấp dầu vào bồn chứa thì chúng tôi sẽ có trách nhiệm tổ chức thực hiện đáp ứng các yêu cầu này.
5. Bản cam kết này có giá trị kể từ ngày ký đến khi kết thúc hợp đồng và được kéo dài thêm theo yêu cầu của và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1.1. Phạm vi cung cấp: Dầu DO 0,05S đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của NMD Nhơn Trạch 2 như sau:

STT	Chi tiêu đặc tính kỹ thuật, phẩm chất	Đơn vị	Thông số khuyến khích	Thông số yêu cầu
1	Hàm lượng Carbon C	%	86	85-87
2	Hàm lượng Hydrogen (H)	%	13.11	13-15
3	Nitrogen (N)	%	0.014	Max 0.015
4	Oxygen (O ₂)	%	0.1	0.1
5	Hàm lượng Sulphur (S)	%	0.05	≤ 0.2
6	Hàm lượng nước	%	0.00	0.01
7	Hàm lượng tro (Ash)	ppm	100	Max 100
8	Nhiệt trị cao (Gross Calorific Value)	kJ/Kg	45.225	≥ 44,800
9	Nhiệt trị thấp (Low Heat Value-LHV)	kJ/Kg	42000	≥ 42000
10	Tỷ trọng (Specific gravity) (15°C/15°C)	-	0.85	0.82-0.87
11	Độ nhớt ở 40°C (Viscosity at 40°C)	cSt		2.0-4.5
12	Sodium+Potassium (Na+K)	ppm		≤ 0.5
13	Điểm chớp cháy (Flash point)	°C		> 55
14	Điểm đông đặc (Pour point)	°C		Max -3
15	Hàm lượng nước và tạp chất (Water and sediment)	%Vol		Max 0.05
16	Hàm lượng than cặn carbon ở 10% đáy (Carbon residue on 10% bottoms)	%weight		Max 0.35%
17	Nhiệt độ chưng cất ở 90% (Distillate temperature 90% point)	°C		Max 360
18	Total metal strip corrosion (V+Pb+Zn+Ni)	ppm		<1.0

- 1.2. Khối lượng cung cấp: căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế, mỗi lô hàng cung cấp khoảng từ 1.000 – 10.000 tấn.
- 1.3. Địa điểm cung cấp và điều kiện tiếp nhận hàng hóa:
- Địa điểm cung cấp: Cảng dầu DO của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
 - Cảng dầu NMTĐ Nhơn Trạch 2 được thiết kế để tiếp nhận dầu qua phương tiện đường thủy có tải trọng từ 450 tấn đến 5.000 tấn.
 - Phương tiện giao hàng của Bên B khi đến giao hàng tại kho của Bên A phải cam kết đảm bảo an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ.
- 1.4. Yêu cầu về tiến độ cung cấp: Trong vòng 48 giờ (2 ngày) kể từ thời điểm Bên A yêu cầu cấp hàng và Bên B xác nhận cấp hàng, phương tiện vận chuyển dầu của Bên B phải có mặt tại cảng nhận dầu của NMTĐ Nhơn Trạch 2 để sẵn sàng thực hiện các thủ tục giao nhận dầu. Khối lượng dầu giao nhận phải đảm bảo 2.500-3.500 m³/ngày và bảo đảm cung ứng liên tục 24/24 giờ.

Phần 3. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

Phần 1. Nội dung chính Hợp đồng khung

Phần 2. Các yêu cầu khác thuộc Hợp đồng

- Chương I. Yêu cầu về mặt kỹ thuật
- Chương II. Quy trình giao nhận dầu DO
- Chương III. Các Biểu mẫu

PHẦN 1: NỘI DUNG CHÍNH HỢP ĐỒNG KHUNG HỢP ĐỒNG KHUNG

Dự thảo hợp đồng khung sau đây quy định chi tiết các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng làm cơ sở chào thầu, thương thảo, hoàn thiện và ký Hợp đồng.

Căn cứ :

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;

Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký Hợp đồng, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A): Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số DN:

Đại diện:

Chức vụ:

Bên bán (sau đây gọi là Bên B):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản :

Mã số DN:

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

PHẦN 1: CÁC ĐIỀU KHOẢN

Điều 1. Định nghĩa Hợp đồng

- Hợp đồng khung được hiểu là Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu dầu DO 0,05S cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty

- Phụ lục Hợp đồng là trên cơ sở nhu cầu của Bên A và kết quả đánh giá các hồ sơ chào giá, các Bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng cho từng chuyến hàng cụ thể. Các Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng khung và Phụ lục hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sẽ có giá trị pháp lý ưu tiên;
- Ngày làm việc là ngày thứ 2 (hai) đến ngày thứ 6 (sáu) không bao gồm ngày thứ 7 (bảy), chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định ;
- Hàng hóa được hiểu là dầu DO 0,05S phù hợp với đặc tính kỹ thuật của nhiên liệu dầu được thiết kế cho nhà máy như nêu tại **Mục 1- Chương I- Phần 2 của Hợp đồng** này được Bên B cung cấp cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 của Bên A.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Văn bản Hợp đồng;
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo phương thức được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ hàng hóa như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các Phụ lục hợp đồng, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng này, các Phụ lục hợp đồng và theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Trong vòng 2 (hai) ngày sau khi nhận được thông báo trúng thầu (nhà thầu có giá chào xếp hạng 1, giá chào cạnh tranh nhất) để ký kết Phụ lục Hợp đồng của Bên A, Bên B có trách nhiệm thống nhất và ký kết Phụ lục Hợp đồng, mở bảo lãnh thực hiện Phụ lục hợp đồng để đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa.
- Bên B, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thuê đơn vị giám định độc lập để thực hiện giám định và cấp Chứng thư giám định số lượng, chất lượng cho mỗi lô hàng. Đơn vị giám định sẽ được Bên B xác định cụ thể trong Hồ sơ chào giá và được Bên A thống nhất. *(Trường hợp khi cung cấp hàng hóa trong đó có một số chỉ tiêu giám định chất lượng do yếu tố khách quan như các trung tâm kiểm định tại Việt Nam không đủ máy móc thiết bị để giám định mà việc mang sang nước ngoài giám định không đảm bảo thời gian để cung cấp hàng hóa theo quy định của Hợp đồng thì Bên B đề xuất để Bên A xem xét quyết định).*

- Bên B cam kết đảm bảo nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này và các Phụ lục hợp đồng và phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của lô hàng.
- Bên B cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ chịu mọi trách nhiệm liên quan đến môi trường trong trường hợp do lỗi của Bên B gây ra.
- Bên B phải chịu mọi trách nhiệm và chi phí bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và xử lý những rủi ro tại điểm giao nhận dầu do Bên B gây ra (tính từ mặt bích đầu nối thiết bị giao nhận dầu của hai Bên trở lại phương tiện vận chuyển của Bên B).

Điều 5. Hình thức hợp đồng, đơn giá, Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

Hình thức hợp đồng: Là Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu dầu DO cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Trên cơ sở nhu cầu của Bên A và kết quả đánh giá các hồ sơ chào giá, các Bên sẽ ký Phụ lục hợp đồng cho từng chuyến hàng cụ thể. Các Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng khung và Phụ lục hợp đồng, Phụ lục hợp đồng sẽ có giá trị pháp lý ưu tiên.

Đơn giá: Là đơn giá nhiên liệu dầu DO theo quy định của Chính phủ và các chi phí khác như vận chuyển, kiểm định, bảo hiểm...

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng:

- Trong vòng 2 (hai) ngày sau khi nhận được thông báo trúng thầu (nhà thầu có giá chào xếp hạng 1, giá chào cạnh tranh nhất) để ký kết Phụ lục Hợp đồng của Bên A, Bên B có trách nhiệm mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng vô điều kiện, không hủy ngang với giá trị tương đương 3% (ba phần trăm) Tổng giá trị tạm tính của khối lượng dầu DO cung cấp cho Bên A theo nội dung tại Phụ lục Hợp đồng để đảm bảo trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện Phụ lục hợp đồng có hiệu lực 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Phụ lục Hợp đồng có hiệu lực.
- Bên A có quyền sử dụng bảo lãnh này trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ của Bên B theo quy định tại Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 6. Trình tự thực hiện

- Trên cơ sở Hợp đồng khung đã ký, khi phát sinh nhu cầu mua dầu DO, Bên A sẽ gửi cho Bên B Thư yêu cầu chào giá cho lô hàng đó với nội dung khối lượng mua, thời gian giao hàng và thời gian nộp báo giá. Bên B sẽ chuẩn bị và nộp bản gốc hồ sơ chào giá (theo mẫu quy định tại Mẫu số 1 - Chương III - Phần 2) tại văn phòng của Bên A theo thời gian quy định trong Thư yêu cầu. Hồ sơ chào giá nộp sau thời gian quy định sẽ không được Bên A xem xét, đánh giá.

Trong trường hợp Bên A có nhu cầu mua dầu DO cấp bách phục vụ sản xuất, Bên A sẽ đề nghị Bên B gửi hồ sơ chào giá qua fax. Tuy nhiên, Bên B có trách nhiệm gửi bản gốc hồ sơ chào giá cho Bên A ngay sau khi gửi fax. Bên B phải đảm bảo sự thống nhất giữa bản chào qua fax và bản gốc. Trường hợp có sự không thống nhất giữa bản gốc và bản fax, Bên A có quyền loại và không xem xét, đánh giá hồ sơ chào của Bên B.

- Căn cứ các hồ sơ chào giá đã nộp, Bên A sẽ đánh giá, xếp hạng, phê duyệt kết quả chào giá, làm cơ sở ký kết Phụ lục hợp đồng để triển khai thực hiện.
- Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký Phụ lục hợp đồng nếu hồ sơ chào giá của Bên B được xếp hạng cao nhất (*nhà thầu có giá chào xếp hạng 1, giá chào cạnh tranh nhất*). Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày bên B nhận được thông báo mời ký kết Phụ lục Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm thống nhất và ký kết Phụ lục Hợp đồng với nội dung bao gồm đơn giá, chủng loại và số lượng hàng hoá tạm tính, thời gian thực hiện giao hàng...; Các điều khoản còn lại thực hiện theo nội dung Hợp đồng khung đã được hai bên ký kết.
- Khi có thông tin cấp hàng cụ thể, Bên A sẽ gửi Phiếu yêu cầu cấp hàng cho Bên B, Bên B xác nhận và thực hiện giao hàng như quy định trong Phiếu yêu cầu.

Điều 7. Giá trị Phụ lục hợp đồng

Giá trị Phụ lục hợp đồng là giá tạm tính trên cơ sở số lượng theo Phiếu yêu cầu của Bên A và đơn giá xác định của hai Bên tại thời điểm ký Phụ lục hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B giá trị Phụ lục hợp đồng căn cứ vào đơn giá quy định trong Phụ lục hợp đồng (*được điều chỉnh theo điều hành giá của Chính phủ, nếu có*) và số lượng hàng hóa giao nhận thực tế được hai bên xác nhận tại Biên bản giao nhận.

Điều 8. Điều chỉnh đơn giá Phụ lục hợp đồng

Đơn giá quy định trong Phụ lục hợp đồng được cố định trong suốt thời gian thực hiện Phụ lục hợp đồng. Đơn giá này chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- a) Trong trường hợp đang thực hiện Phụ lục hợp đồng mà có thông báo điều chỉnh giá dầu theo điều hành kinh doanh xăng dầu của cấp có thẩm quyền thì đơn giá của Phụ lục hợp đồng sẽ được điều chỉnh như sau:

- Đối với số lượng dầu đã thực hiện giao nhận trước thời điểm áp dụng đơn giá mới sẽ được áp dụng đơn giá Phụ lục hợp đồng đã ký. Trong trường hợp này, hai Bên tạm thời dừng việc giao nhận trước thời điểm áp dụng đơn giá mới 30 (ba mươi) phút để chốt số liệu và ký biên bản giao nhận có xác nhận của đơn vị giám định độc lập.
- Đối với số lượng dầu thực hiện giao nhận sau thời điểm áp dụng đơn giá mới sẽ được áp dụng đơn giá điều chỉnh.

Trong trường hợp này, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A bao gồm các nội dung: thông báo điều chỉnh đơn giá và làm rõ đơn giá điều chỉnh để hai Bên làm căn cứ, thống nhất ký phụ lục điều chỉnh đơn giá Phụ lục hợp đồng.

- b) Trong trường hợp kiểm tra chất lượng thực tế của từng lô hàng, nếu nhiệt trị cao dầu DO trong phương tiện vận chuyển thấp hơn tiêu chuẩn quy định mà vẫn được Bên A chấp nhận thì đơn giá thanh toán sẽ được tính theo công thức tại Khoản 2 - Mục 2 - Chương I - Phần 2 của Hợp đồng này.

Điều 9. Phương thức, điều kiện và thời hạn thanh toán

1. Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị cho từng lô hàng trong thời gian **45 (bốn mươi lăm)** ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ Chứng từ thanh toán hợp lệ. Tổng giá trị thực trả của từng đợt hàng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B bằng số lượng hàng thực nhận nhân với đơn giá thực tế theo từng Phụ lục hợp đồng hoặc đơn giá điều chỉnh (nếu có) theo quy định tại **Điều 8**.
2. Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:
 - Văn bản đề nghị thanh toán : bản gốc;
 - Biên bản giao nhận: bản gốc;
 - Biên bản nghiệm thu hàng hóa: bản gốc;
 - Hóa đơn GTGT: bản gốc;
 - Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: bản gốc;
 - Phụ lục điều chỉnh đơn giá (nếu có): bản gốc;
 - Chứng thư giám định chất lượng và khối lượng của đơn vị giám định độc lập được bên A chấp nhận quy định tại Phụ lục Hợp đồng: bản gốc;
 - Hợp đồng: bản sao;
 - Phụ lục hợp đồng: bản sao;
 - Phiếu yêu cầu cấp dầu: bản sao ;
 - Các hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa: bản sao
 - + Đối với hàng hóa nhập khẩu: Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc gồm CO, CQ, tờ khai hải quan và chứng thư chất lượng của đơn vị giám định độc lập (bản sao y công ty);

- + Đối với hàng hóa có nguồn gốc trong nước: Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương do nhà sản xuất hoặc đơn vị có thẩm quyền cấp (bản sao y công ty).
3. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị lô hàng bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B được ghi trong Hợp đồng này hoặc Phụ lục hợp đồng. Mọi sự thay đổi số tài khoản, tên ngân hàng phải căn cứ trên văn bản đề nghị của Bên B hoặc văn bản điều chỉnh Hợp đồng được ký bởi hai Bên.

Điều 10. Địa điểm giao nhận, phương thức giao nhận và cách thức xác định khối lượng

1. Địa điểm giao nhận: bồn dầu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được quy định chi tiết tại Mục 2- Chương I- Phần 2.
2. Phương thức giao nhận: Giao nhận tại bồn dầu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo Quy trình giao nhận được quy định Chương II – Phần 2 của Hợp đồng. Khối lượng hàng hóa giao nhận sẽ được đo đếm tại bồn chứa của Bên A và được tính toán dựa trên số đo thể tích theo BAREM hợp lệ đã được kiểm định và còn hiệu lực của bồn chứa dầu Bên A.
3. Cách xác định khối lượng: Khối lượng giao nhận từng đợt được xác định bằng khối lượng hàng giao nhận thực tế giữa hai Bên dựa trên số đo thể tích theo BAREM của bồn chứa dầu Bên A. Trong trường hợp không thể sử dụng BAREM bồn thì sử dụng BAREM hợp lệ và còn hiệu lực của phương tiện giao hàng làm cơ sở xác định. Việc xác định khối lượng giao nhận tuân thủ theo Tiêu chuẩn ngành “Nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng – Quy tắc giao nhận” (TCN 01:2000) theo Quyết định số 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000.

Sau khi Bên A nhận hàng hoá, nếu hàng hoá đảm bảo chất lượng thì hai Bên tiến hành lập Biên bản giao nhận hàng hoá.

Điều 11. Thời gian thực hiện Hợp đồng

36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng (Ngày .../.../20...) hoặc cho đến khi hai Bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của Phụ lục hợp đồng cuối cùng của Hợp đồng này được ký kết trong năm 20... (tùy theo điều kiện nào đến sau). Trong vòng 15 ngày trước thời điểm kết thúc Hợp đồng, hai Bên sẽ xem xét gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng.

Điều 12. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
 - b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng;

- d) Các nội dung khác nêu tại Hợp đồng.
2. Hai Bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản điều chỉnh Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.

Điều 13. Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm Hợp đồng

1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo Điều 14, Bên B sẽ bị phạt vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp sau:
- a) Bên A đã gửi Phiếu yêu cầu cấp dầu mà trong vòng 8 (tám) giờ Bên B không xác nhận thì Bên B phải chịu phạt trị giá bằng 2% giá trị số lượng dầu theo Phiếu yêu cầu cấp dầu.
- b) Trong khoảng thời gian giao hàng quy định tại Khoản 2 Điều 16, phương tiện vận chuyển dầu của Bên B chưa có mặt tại bồn dầu của Bên A để sẵn sàng thực hiện các thủ tục giao nhận dầu. Trong trường hợp này, mức phạt hợp đồng được quy định cụ thể như sau:
- Bên B phải chịu phạt trị giá bằng 0,5% tổng giá trị lượng dầu chưa giao theo Phụ lục hợp đồng/ Phiếu yêu cầu cấp dầu cho mỗi ngày chậm trễ (một ngày là 24 giờ) tính từ thời điểm phương tiện vận chuyển dầu của Bên B lẽ ra phải có mặt tại bồn dầu của các nhà máy điện của Bên A để sẵn sàng thực hiện các thủ tục giao nhận dầu theo quy định của Hợp đồng này.
 - Sau thời điểm phương tiện vận chuyển dầu của Bên B lẽ ra phải có mặt tại bồn dầu của Bên A để sẵn sàng thực hiện các thủ tục giao nhận dầu theo quy định của Hợp đồng mà Bên B vẫn chưa thể cấp dầu theo quy định của Phụ lục hợp đồng/ Phiếu yêu cầu cấp dầu, Bên A có quyền mua cấp bách khối lượng dầu từ nhà cung cấp khác. Trong trường hợp này, Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh do chênh lệch giữa đơn giá trong Phụ lục hợp đồng và đơn giá Bên A mua thực tế từ nhà cung cấp khác.
 - Nếu Bên B cung cấp cho Bên A loại dầu không đúng như quy định tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng thì Bên B phải thu hồi lại toàn bộ khối lượng dầu đã cấp và ngay lập tức cấp lại dầu khác có chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu cho Bên A. Đồng thời Bên B phải chịu phạt theo điều kiện cấp dầu chậm nêu trên kể từ ngày thu hồi lại hết lô hàng không đạt yêu cầu và bồi thường cho Bên A toàn bộ các chi phí tổn thất của Bên A phát sinh từ việc cấp dầu không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng này.
- Để thực hiện việc phạt vi phạm Hợp đồng, Bên A sẽ sử dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc khấu trừ vào công nợ giữa hai Bên.
- Ngoài ra, Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A do hành vi vi phạm hợp đồng của Bên B gây ra.
2. Bên A sẽ phải bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a) Bên B đã vận chuyển hàng đến nhà máy điện theo đúng khối lượng và chất lượng quy định trong Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng nhưng Bên A từ chối nhận một phần hoặc toàn bộ lô hàng. Trong trường hợp này, Bên A phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc từ chối việc nhận hàng nêu trên.
- b) Trường hợp Bên A thanh toán chậm cho Bên B (trừ trường hợp được sự thỏa thuận của hai Bên), mức phạt chậm thanh toán được tính theo lãi suất tiền gửi kì hạn 3 (ba) tháng (trả lãi sau) bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam áp dụng cho khách hàng tổ chức công bố tại thời điểm đến hạn thanh toán.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

Trường hợp bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của Bên B, chẳng hạn: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận... Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên B phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện.

Điều 15. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của Hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định như sau:

Bên A được quyền kiểm tra chất lượng hàng hoá trước và trong khi tiếp nhận. Việc kiểm tra chất lượng (nếu có) được tiến hành trên phương tiện của Bên B theo phương thức: Đại diện Bên A, Bên B và Đại diện phương tiện giao hàng cùng lấy 3 (ba) mẫu tại phương tiện trước khi giao hàng lên kho Bên A; Bên A giữ 1 (một) mẫu, Bên B giữ 1 mẫu, còn 1 mẫu sẽ do Bên A kiểm tra chất lượng tại bộ phận hoá nghiệm của mình và đối chiếu với Chứng thư giám định chất lượng do đơn vị giám định độc lập phát hành. Nếu không đạt yêu cầu, hai Bên sẽ dùng mẫu lưu của Bên A và Bên B để kiểm tra lại tại đơn vị giám định độc lập. Trường hợp chất lượng đáp ứng yêu cầu Hợp đồng thì Bên A chịu chi phí phát sinh, chất lượng không đáp ứng yêu cầu Hợp đồng thì chi phí sẽ do Bên B chịu.

2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm của đơn vị giám định độc lập mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo quy định tại Mục 1- Chương I- Phần 2 thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Hai bên thống nhất trách nhiệm của Bên B chỉ giới hạn trong chất lượng mẫu dầu được lấy tại phương tiện của Bên B trước khi giao hàng lên kho Bên A.

3. Khi thực hiện các nội dung nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 16. Thời gian cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ kèm theo

1. Bên A sẽ gửi Phiếu yêu cầu cấp hàng cho Bên B trong đó nêu rõ: Chúng loại, số lượng và thời gian giao hàng cho từng lô hàng. Bên B phải xác nhận cấp dầu cho Bên A trong vòng 4 (bốn) giờ làm việc kể từ khi nhận được Phiếu yêu cầu của Bên A.
2. Thời gian giao hàng:
 - Đối với việc cấp hàng cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2: Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ (2 ngày) kể từ thời điểm Bên B xác nhận cấp hàng theo Phiếu yêu cầu của Bên A, phương tiện vận chuyển dầu của Bên B phải có mặt tại cảng nhận dầu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 để sẵn sàng thực hiện các thủ tục giao nhận dầu. Thời gian giao hàng sẽ được quy định cụ thể tại Phụ lục hợp đồng/Phiếu yêu cầu cấp dầu căn cứ trên số lượng hàng hóa của mỗi lô hàng.
3. Khi giao hàng Bên B phải gửi cho Bên A: 01 mẫu có niêm phong của Bên B, Chứng thư giám định chất lượng do đơn vị giám định độc lập cấp với đầy đủ hạng mục thử nghiệm nêu trong Mục 1 Phần 2 (mẫu dầu để giám định được lấy tại phương tiện vận chuyển, trong trường hợp yêu cầu cấp bách về tiến độ cấp hàng, mẫu dầu để giám định có thể lấy tại kho xuất hàng của Bên B, trong trường hợp này, Bên B phải cung cấp phiếu kết quả chất lượng của dầu trong kho xuất hàng và cam kết đảm bảo nguồn gốc và chất lượng của hàng hóa để tiến hành thủ tục giao hàng và đồng thời tiến hành giám định mẫu dầu tại phương tiện vận chuyển nếu hàng hóa không đạt yêu cầu thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, Phiếu xuất kho của Bên B trong đó ghi rõ số lượng hàng hóa toàn bộ lô hàng.
4. Số lượng hàng hoá thực nhận để lập Biên bản giao nhận hàng là số lượng được xác định bằng số đo thể tích theo barem bồn hợp lệ của Bên A (hoặc barem phương tiện hợp lệ của Bên B, sẽ căn cứ vào tình hình thực tế do Bên A quyết định) được quy về lít ở 15⁰ C, có xác nhận của đơn vị giám định độc lập.

Điều 17. Bảo hiểm

Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển, an toàn cháy nổ, môi trường (nếu có) đối với hàng hóa (dầu) cho đến khi hàng hóa đi qua hai mặt bích nối đường ống xuất hàng của phương tiện Bên B và đường ống nhận hàng hóa của Bên A.

Điều 18. Vận chuyển và giao nhận hàng hóa

Toàn bộ hàng hoá được vận chuyển bằng xà lan hoặc tàu vận chuyển dầu chuyên dùng theo đường sông và cập cảng Bên A theo đúng quy định của Bên A.

Quy trình giao nhận hàng hóa theo quy định tại Chương II- Phần 2 của Hợp đồng.

Điều 19. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng

1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Bên A hoặc đại diện của Bên A đưa ra cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.
2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện Hợp đồng.
3. Các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Khi Bên A có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng thông qua thương lượng hoà giải trực tiếp. Trong khoảng thời gian quy định là 10 (mười) ngày mỗi Bên sẽ phải cử đại diện của mình tới thảo luận hoà giải và phải gửi thông báo cho Bên kia biết. Sau khoảng thời gian quy định là 30 (ba mươi) ngày, đại diện của hai Bên phải đưa ra cách thức giải quyết tranh chấp phù hợp với cả hai Bên.

Trong trường hợp đại diện của hai Bên không thoả thuận được thì tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Án phí do Bên thua kiện chịu.

Điều 21. Chấm dứt Hợp đồng

1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên B vi phạm một trong những điều sau:
 - a) Không tham dự nộp chào giá theo quy định tại Điều 6 từ 3 (ba) lần trở lên;
 - b) Giao hàng không đạt tiến độ và/ hoặc khối lượng và/ hoặc chất lượng theo yêu cầu quy định tại Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng 2 (hai) lần;
 - c) Bên B bị phá sản, giải thể.
2. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này (bản chào qua Fax và bản gốc không thống nhất gây khó khăn trong công tác đánh giá hồ sơ chào giá thì xem như là không tham dự nộp chào giá), Bên A có quyền sử dụng toàn bộ giá trị còn lại của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như nêu tại Điều 4.
3. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, ngoài những trách nhiệm theo Điều này, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng như quy định tại Điều 13 cho từng lô hàng.

4. Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9 của Hợp đồng.

Điều 22. Thông báo

Bất cứ thông báo nào của một Bên gửi cho Bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ mỗi Bên được ghi tại Hợp đồng này.

Thông báo của một Bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 23. Điều khoản chung

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và hết hiệu lực khi đến hạn như quy định tại Điều 11.

Hợp đồng này được hiểu, diễn giải và điều chỉnh theo pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.

Hợp đồng này sẽ được coi như thanh lý sau khi các Bên hoàn thành hết các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nêu trong Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 5 (năm) bộ, Bên B giữ 3 (ba) bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHẦN 2: CÁC YÊU CẦU KHÁC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

Mục 1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hoá

Nhằm bảo đảm cho thiết bị sản xuất của Bên A được an toàn theo quy phạm và tuân thủ theo Luật Môi trường, Bên A sử dụng tiêu chuẩn về nhiên liệu của nhà chế tạo thiết bị để làm cơ sở thực hiện Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng cung ứng nhiên liệu. Hàng hoá của Bên B cung cấp cho Bên A phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 như sau:

STT	Chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật, phẩm chất	Đơn vị	Thông số khuyến khích	Thông số yêu cầu
1	Hàm lượng Carbon C	%	86	85-87
2	Hàm lượng Hydrogen (H)	%	13.11	13-15
3	Nitrogen (N)	%	0.014	Max 0.015
4	Oxygen (O ₂)	%	0.1	0.1
5	Hàm lượng Sulphur (S)	%	0.05	≤ 0.2
6	Hàm lượng nước	%	0.00	0.01
7	Hàm lượng tro (Ash)	ppm	100	Max 100
8	Nhiệt trị cao (Gross Calorific Value)	kJ/Kg	45.225	≥ 44,800
9	Nhiệt trị thấp (Low Heat Value-LHV)	kJ/Kg	42000	≥ 42000
10	Tỷ trọng (Specific gravity) (15°C/15°C)	-	0.85	0.82-0.87
11	Độ nhớt ở 40°C (Viscosity at 40°C)	cSt		2.0-4.5
12	Sodium+Potassium (Na+K)	ppm		≤ 0.5
13	Điểm chớp cháy (Flash point)	°C		> 55
14	Điểm đông đặc (Pour point)	°C		Max -3
15	Hàm lượng nước và tạp chất (Water and sediment)	%Vol		Max 0.05
16	Hàm lượng than cặn carbon ở 10% đáy (Carbon residue on 10% bottoms)	%weight		Max 0.35%
17	Nhiệt độ chưng cất ở 90% (Distillate temperature 90% point)	°C		Max 360
18	Total metal strip corrosion (V+Pb+Zn+Ni)	ppm		<1.0

1. Chứng chỉ chất lượng:

- Hàng hoá nói trên phải có chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất hoặc của phòng thí nghiệm hợp lệ tại nước xuất khẩu hàng hóa.

- Tất cả các thông số của hàng hóa phải có chứng thư giám định chất lượng của đơn vị giám định độc lập.

Mục 2. Yêu cầu tiếp nhận dầu:

1. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

1.1. Địa điểm giao nhận dầu

- Cảng dầu DO của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Cảng được thiết kế cho xà lan tải trọng từ 450 đến 5.000 tấn.
- Địa điểm giao nhận dầu tại bồn chứa của Bên A (hoặc tại phương tiện của Bên B, sẽ căn cứ vào tình hình thực tế do Bên A quyết định).

1.2. Tiến độ và điều kiện giao nhận dầu

- Hàng sẽ được giao cho Bên A theo điều kiện Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng.
- Khối lượng dầu giao nhận phải đảm bảo 2.500-3.500 m³/ngày và bảo đảm cung ứng liên tục 24/24 giờ, tốc độ nhận dầu thông qua hệ thống đường ống của Bên A tối đa là 300 m³/h.
- Bằng chi phí của mình, Bên B chịu trách nhiệm thuê đơn vị giám định độc lập tham gia kiểm tra, giám sát quá trình giao nhận dầu giữa hai Bên.
- Việc giao nhận dầu DO dựa trên số đo thể tích theo BAREM bồn chứa hợp lệ và còn hiệu lực của Bên A (hoặc BAREM phương tiện hợp lệ và còn hiệu lực của Bên B, sẽ căn cứ vào tình hình thực tế do Bên A quyết định) sau đó được qui về thể tích chuẩn ở 15°C (lít ở 15°C).
- Phương tiện giao hàng của Bên B khi đến giao hàng tại kho của Bên A phải đảm bảo an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ. Trường hợp có rủi ro cháy nổ tại khu vực giao nhận trong quá trình giao nhận do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm và chi phí khắc phục.
- Bên A được quyền từ chối nhận những lô hàng không đạt chất lượng theo quy định tại Khoản 1, Mục 1 Chương này.

2. Đối với nhiệt trị cao của dầu DO:

- Nhiệt trị cao của dầu DO mà Bên B cung cấp cho Bên A phải đạt từ 10.800 cal/g trở lên. Trong trường hợp Bên B cung cấp dầu cho Bên A có nhiệt trị nhỏ hơn trị số trên, Bên A có quyền từ chối nhận hàng mà không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan tới việc từ chối này.
- Trường hợp Bên B cung cấp dầu cho Bên A có nhiệt trị cao hơn 10.800 cal/g (nhiệt trị cao chuẩn theo yêu cầu) thì sẽ áp dụng công thức tính giảm giá dầu tương ứng như sau:
- Từ 10.700 Cal/g đến dưới 10.800 Cal/g giá dầu phải giảm tương ứng.

Gct

$$g_{tt} = g_{ct} \cdot \frac{Q_{tc} - Q_{pt}}{Q_{tc}} \times (Q_{tc} - Q_{pt})$$

Với : g_{tt} : Đơn giá thanh toán

g_{ct} : Đơn giá ký trong Phụ lục hợp đồng

Q_{pt} : Nhiệt trị dầu thực tế bán cho Bên A

Q_{tc} : Nhiệt trị tiêu chuẩn theo yêu cầu (10.800cal/g)

- Dưới 10.700 Cal/g sẽ không được Bên A chấp nhận.

CHƯƠNG II. QUY TRÌNH GIAO NHẬN DẦU DO

1. Trước khi phương tiện giao hàng của Bên B đến, Bên B sẽ thông báo cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 – Đại diện Bên A bằng fax, điện thoại hoặc qua email kế hoạch phương tiện vận chuyển đến.
2. Đại diện Bên A xác nhận lại thời gian phương tiện giao hàng của Bên B được phép bơm hàng lên bồn chứa (bằng fax, điện thoại hoặc qua e mail).
3. Bên B phối hợp cùng Đại diện Bên A tiến hành thử nghiệm hoạt động của cơ cấu dỡ tải dầu (Unloading Arm): kiểm tra độ khớp của thiết bị, tính linh hoạt...
4. Trước khi tiếp nhận dầu vào bồn các bên liên quan kiểm tra các phương tiện PCCC, môi trường và biện pháp an toàn chống tràn dầu. Việc tiếp nhận dầu sẽ tạm ngưng nếu có hiện tượng Sóng lớn, Gió to hay có Sét.
5. Tại địa điểm giao hàng, đại diện phương tiện giao hàng của Bên B, Đại diện Bên A và đơn vị giám định cùng kiểm tra hồ sơ phương tiện giao hàng, hồ sơ lô hàng, kiểm tra các niêm hàm hàng, lấy mẫu dầu và đo tính hàng tại phương tiện giao hàng (trường hợp giao nhận hàng theo barem phương tiện của Bên B) đồng thời kiểm tra bồn nhập hàng, đường ống công nghệ tiếp nhận của Bên A (trường hợp giao nhận hàng theo barem bồn nhập hàng của Bên A) và ký các biên bản liên quan trước khi bơm hàng.
6. Quá trình bơm hàng bắt đầu, đại diện phương tiện giao hàng của Bên B và Đại diện Bên A cùng phối hợp trực trong quá trình bơm hàng nhằm xử lý kịp thời các tình huống xảy ra. Hai Bên sẽ cùng theo dõi và liên tục thông báo cho nhau (bằng bộ đàm, điện thoại hoặc trực tiếp) về tốc độ bơm và áp suất bơm.
7. Khi quá trình bơm hàng kết thúc, Đại diện Bên A, đại diện phương tiện giao hàng của Bên B và giám định cùng kiểm tra việc bơm khô vét sạch của phương tiện và ký các biên bản liên quan (trường hợp giao nhận hàng theo barem phương tiện của Bên B), đo tính hàng tại bồn nhập dầu của Bên A (trường hợp giao nhận theo barem bồn nhập hàng của Bên A).
8. Nếu không có vấn đề phát sinh, phương tiện giao hàng sẽ ngắt ống và rời cảng theo lệnh rời cảng. Quá trình giao nhận xem như kết thúc.

CHƯƠNG III. CÁC BIỂU MẪU

CÔNG TY.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu dầu DO phục vụ vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số.....ngàyđược ký giữavà Công ty.....,

Căn cứ công văn số...../..... ngàyvề việc thông báo mời chào giá dầu DO.

Chúng tôi, Công ty xin báo giá dầu DO 0,05S với nội dung như sau:

1. Hàng hóa – Chất lượng – Số lượng

- Hàng hóa: dầu DO 0,05S
- Chất lượng: chúng tôi cam kết chất lượng hàng hóa cung cấp sẽ đúng theo chất lượng ghi trong Hợp đồng cung cấp dầu cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số..... ngày
- Số lượng::.....
- Thời gian giao hàng:

2. Giá chào

TT	Mô tả	Đvt	Trong đó		
			Giá chào chưa thuế	Thuế GTGT	Giá chào sau thuế
1	Dầu DO.....
2	Vận chuyển				
3	Chi phí khác				
	Tổng				

Giá trên là giá ở điều kiện 15°C đã bao gồm các loại thuế, phí, giám định, bảo hiểm, và giao tại kho NMD Nhơn Trạch 2

3. Các điều kiện khác:

- Đề nghị Bên A xem xét chấp nhận Đơn vị giám định hàng hóa:
(đơn vị giám định phải đảm bảo tính pháp lý và năng lực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hành nghề có tài liệu chứng minh).
- Hiệu lực báo giá: từ ngày..../..../..... đến ngày/..../.....
- Các điều kiện khác có liên quan sẽ áp dụng theo Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu dầu phục vụ vận hành sản xuất điện

Đại diện hợp pháp của Bên B

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Số:...../CPNT2 – TMTTĐ
Số: /

Nhơn Trạch, ngày ___ tháng ___ năm ___

PHIẾU YÊU CẦU CẤP DẦU DO

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

- Căn cứ Phụ lục Hợp đồng và Hợp đồng khung cung cấp nhiên liệu dầu DO phục vụ vận hành NMD Nhơn Trạch 2 số.....ngày giữa
- Căn cứ văn bản chào giá ngày.....của Công ty....., Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đề nghị quý Công ty cung cấp hàng hoá với nội dung như sau:
 - + Dầu DO 0,05S: Số lượng:
 - Giá:
 - + Thời gian giao hàng: từ ngày .../.../20.... đến ngày .../.../20....
 - + Đơn vị giám định chất lượng hàng hóa:
 - + Giá thanh toán: Giá Phụ lục Hợp đồng +/- điều chỉnh giá bán lẻ của Bên B (nếu có)
 - + Tiến độ giao hàng được xác định tại thời điểm Bên B gửi lại cho Bên A. Phiếu yêu cầu cấp hàng này đã được xác nhận (Trong vòng 04 giờ làm việc sau khi nhận được Phiếu yêu cầu của Bên A).



Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCKT, KHTH
- Lưu: VT, TM-TTĐ.

GIÁM ĐỐC

* Xác nhận của đơn vị cấp dầu

Đã nhận lúc.....giờ..... ngày...../...../.....

Công ty..... cam kết sẽ cấp

dầu đúng nội dung Phiếu yêu cầu

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Bên mua hàng)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Bên cung cấp hàng hóa*] (sau đây gọi là Bên cung cấp hàng hóa) là Bên sẽ ký kết Phụ lục hợp đồng cung cấp hàng hoá (dầu DO) cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trên cơ sở Hợp đồng khung đã ký kết giữa hai bên; ⁽²⁾

Theo quy định trong Hợp đồng khung, Bên cung cấp hàng hóa phải nộp cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Phụ lục hợp đồng của Bên cung cấp hàng hóa với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của Hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 thông báo Bên cung cấp hàng hóa vi phạm hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

⁽¹⁾ Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam.

⁽²⁾ Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có Phụ lục hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên cung cấp hàng hóa sẽ báo cáo Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Bên cung cấp hàng hóa*] (sau đây gọi là Bên cung cấp hàng hóa) là Công ty để ký kết Phụ lục Hợp đồng ____ [*ghi tên Phụ lục hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Phụ lục Hợp đồng).”

⁽³⁾ Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

⁽⁴⁾ Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định của Phụ lục Hợp đồng.